

Số: 138/2024/QĐST-VDS

Mai Sơn, ngày 12 tháng 9 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MAI SƠN, TỈNH SƠN LA

Căn cứ vào các Điều 212, Điều 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 207/2024/VDS-HNGĐ ngày 21/8/2024 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Chị Vì Thị T, sinh năm 1999. Địa chỉ: Bản a, xã H L, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

- Anh Lữ Văn D, sinh năm 1995. Địa chỉ: Bản a, xã H L, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Chị Vì Thị T và anh Lữ Văn D kết hôn với nhau từ năm 2017 do cả hai cùng tự nguyện, không bên nào bị ai ép buộc, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hát Lót, huyện Mai Sơn vào ngày 22/8/2017.

Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc được 02 năm thì xảy ra mâu thuẫn. Anh chị cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không có tiếng nói chung trong cuộc sống, bất đồng về quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã dẫn đến tình cảm vợ chồng rạn nứt. Mâu thuẫn của anh chị đã được gia đình hòa giải nhưng không thành. Do đó, anh chị đã sống ly thân từ tháng 6/2023 đến nay. Tại phiên hòa giải, chị T và anh D xác định mâu thuẫn gia đình đã trầm trọng, không thể quay lại chung sống, giữ nguyên yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn. Xét thấy hai bên thật sự tự nguyện ly hôn nên căn cứ Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, cần chấp nhận.

[2] Về con chung trong thời kỳ hôn nhân: Anh chị xác định có 02 con chung là cháu Lừ Thị Thu H, sinh ngày 06/04/2016 và cháu Lừ Mạnh Đ, sinh ngày 07/11/2017: Anh chị cũng thống nhất anh Lừ Văn D là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Lừ Thị Thu H và cháu Lừ Mạnh Đ cho đến khi các cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi và có khả năng lao động). Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh D do anh D chưa yêu cầu. Tại văn bản ghi ý kiến của con chung chưa thành niên trên 07 tuổi, cháu Lừ Thị Thu H có nguyện vọng được ở cùng với bố. Xét thấy, sự thỏa thuận của anh chị là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với nguyện vọng của con chung và phù hợp với điều kiện kinh tế của các bên và đảm bảo cho sự phát triển của con chung nên cần chấp nhận.

[3] về tài sản chung và nợ chung: Chị T và anh D đều xác nhận không có tài sản chung và nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí tòa án: Chị Vì Thị T và anh Lừ Văn D thống nhất mỗi người chịu 50% lệ phí yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn.

Xét thấy: Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn, thỏa thuận về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn ngày 04 tháng 9 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:
- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Vì Thị T và anh Lừ Văn D.

- Về con chung: Anh Lừ Văn D là người trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lừ Thị Thu H, sinh ngày 06/04/2016 và cháu Lừ Mạnh Đ, sinh ngày 07/11/2017 đến khi các cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi và có khả năng lao động). Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh D do anh D chưa yêu cầu.

Sau khi ly hôn chị T được quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật; không ai được quyền ngăn cản chị T thực hiện quyền này theo quy định của Điều 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về tài sản chung vợ chồng: Không có.
- Về nợ chung vợ chồng: Không có.
- Về các vấn đề khác: Không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Vì Thị T chịu lệ phí yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn là 150.000VND (Một trăm năm mươi nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 VND (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0001357 ngày 21 tháng 8 năm 2024 tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La, được trả lại 150.000VND (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

Anh Lữ Văn D chịu lệ phí yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn là 150.000VND (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban Hnh và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi Hnh theo quy định tại Điều 2 Luật Thi Hnh án dân sự thì người được thi Hnh án dân sự, người phải thi Hnh án dân sự có quyền thỏa thuận thi Hnh án, quyền yêu cầu thi Hnh án, tự nguyện thi Hnh án hoặc bị cưỡng chế thi Hnh án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi Hnh án dân sự; thời hiệu thi Hnh án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi Hnh án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn;
- UBND xã Hát Lót, huyện Mai Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ.

THẨM PHÁN

Tráng A Tánh